

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24 /11/2017

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Toàn và ông Phạm Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST- HNGĐ ngày 24/10/2017 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn TT, xã ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Hữu C; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn TT, xã ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2017, các lời khai tại hồ sơ và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D chung sống như vợ chồng với anh Đào Hữu C từ năm 1994 đến nay trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do thời gian qua anh Chí không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, quan điểm sống của vợ chồng có sự khác biệt. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng nhờ bạn bè, gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay chị D xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Đào Tiến D, sinh ngày 25/6/1995 và Đào Tiến M, sinh ngày 13/5/2004. Cháu D đã trưởng thành và tự chăm lo cuộc sống bản thân nên chị D không yêu cầu giải quyết. Cháu M giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại hồ sơ và quá trình xét xử bị đơn anh Đào Hữu C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Hữu C trình bày việc anh C và chị D về sống chung với nhau như vợ chồng, nguyên nhân, mức độ mâu thuẫn thống nhất như ý kiến chị D.

Về nuôi con chung: Anh C trình bày về con chung thống nhất như ý kiến chị D và có nguyện vọng nuôi dưỡng con Đào Tiến M đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Đào Hữu C thống nhất như ý kiến của chị Nguyễn Thị D và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Đào Hữu C là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung Đào Tiến M, sinh ngày 13/5/2004 cho anh Đào Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Anh C và chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Đào Hữu C đều khẳng định anh chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ nên đủ cơ sở khẳng định chị Nguyễn Thị D và anh Đào Hữu C không đăng ký kết hôn. Chị D và anh C thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, chị D và anh C không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì việc chung sống giữa chị D và anh C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận chị D và anh C là vợ chồng.

[2]. *Về nuôi con chung*: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các bên đương sự xác định con thứ nhất Đào Tiến D, sinh ngày 25/6/1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con thứ hai Đào Tiến M, sinh ngày 13/5/2004 giao cho anh Đào Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận sự thỏa thuận này theo quy định tại Điều 15; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Đào Hữu C không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ chung*: Anh C và chị D không có tài sản chung, không vay nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Án phí và quyền kháng cáo*: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị D và anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Đào Hữu C là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao con chung Đào Tiến M, sinh ngày 13/5/2004 cho anh Đào Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 003205 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- Chi cục THADS Đức Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tòa phiên tòa

Nguyễn Huy Trọng